

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày 13 tháng 03 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất

Ông Nguyễn Văn Bảng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST- HS ngày 26/02/2020 đối với các bị cáo:

- **Lò Văn T**, sinh ngày 27/12/2001. Tên gọi khác: Không;

Nơi đăng ký HKTT: Bản M, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La. Chỗ ở: thôn H3, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T, sinh năm 1980 và bà Lò Thị X, sinh năm 1983; Vợ con: chưa có; Anh, chị em ruột bị cáo là con duy nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang - Có mặt tại phiên tòa.

- **Lường Văn Q**, sinh ngày 09/12/2001. Tên gọi khác: Không;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản M, xã T huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn P, sinh năm 1979 và bà Lò Thị C, sinh năm 1981; Vợ con: chưa có; Anh, chị em ruột gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất ; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án số 29/2018/HSST ngày 20/6/2018, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt Lường Văn Q, 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang - Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nguyễn Thị Như Q - Trợ giúp viên pháp lý, Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (có mặt).*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lường Văn I, sinh năm 1997(vắng mặt).

- Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La.

** Người làm chứng:*

Anh Lý Đình Q, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Anh Trương Quang Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 22, ngách 29, ngõ 190, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 8 giờ 53 phút ngày 17/12/2019, tại khu vực đường gom dân sinh thuộc thôn S 2, xã S, thành phố B tổ công tác Đội CSĐTTP về ma túy, Công an thành phố B phối hợp cùng Công an xã S phát hiện bắt quả tang: Lường Văn Q, sinh ngày 09/12/2001 và Lò Văn T, sinh ngày 27/12/2001, cùng trú tại: bản M, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, phát hiện thu giữ:

- 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu đỏ, bên trong đựng 07 gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine thu giữ tại tay trái của Q đang cầm do Q lấy từ túi áo khoác bên trái đang mặc rồi thả từ tay trái của mình xuống nền đường sau đó tự nhặt lên giao nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã cho vào trong 01 phong bì thư dán kín, niêm phong và lập biên bản niêm phong tại chỗ theo quy định; đưa đối tượng về Công an xã S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

- 01 xe mô tô BKS 98H2 - XXx nhãn hiệu Honda, 01 điện thoại di động màu trắng, số tiền 300.000 đồng.

Kết luận giám định số 2055/KL-KTHS ngày 23/12/2019, kết luận: Trong 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu đỏ: Chất cục bột màu trắng đựng trong 7 gói giấy hai mặt đều màu trắng, có dòng kẻ đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,178 gam.

Quá trình điều tra Lường Văn Q, Lò Văn T đều khai nhận: Lò Văn T là đối tượng thường xuyên sử dụng ma túy Heroine, T có đến thuê trọ tại thôn H 3, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tối ngày 16/12/2019, Lường Văn Q đến nhà trọ của T để chơi. Tại đây, T và Q nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên Q có hỏi T có mua được ma túy không, T bảo biết chỗ mua nhưng không có tiền, Q bảo bán điện thoại của T

để lấy tiền mua ma túy sử dụng, T đồng ý. T đi xe moto BKS 98H2-XXx chở sau Q đi bán điện thoại được số tiền 400.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục chở Q đi đến khu vực thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để đi mua ma túy (Không nhớ địa chỉ cụ thể). Đến nơi, T dừng xe và bảo Q đứng ở ngoài đợi rồi T một mình đi bộ vào trong một ngõ đến một nhà không có số nhà. Qua lỗ cửa sắt của nhà đó T hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy Heroine của một người phụ nữ không quen biết. Người đó nhận tiền và đưa lại cho T 03 gói giấy bạc bên trong đựng chất ma túy Heroine. T nhận số ma túy và đi ra ngoài chỗ Q đang đợi bảo Q lái xe về nhà trọ. Tại nhà trọ, T và Q đã cùng nhau sử dụng một phần số ma túy vừa mua được. Sau khi sử dụng xong, Q chia nhỏ số ma túy vừa mua được vào trong 07 gói giấy đựng ma túy rồi cho tất cả vào 01 túi nilon màu trắng có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ để vào túi áo khoác bên trái của mình. Đến khoảng 8 giờ ngày 17/12/2019, khi T vẫn đang ngủ thì Q nhận điện thoại của một người đàn ông không quen biết gọi đến số điện thoại của T (đang lắp số sim trên điện thoại của Q). Người đó có nói với Q là người quen của T nhờ mua hộ 100.000 đồng tiền ma túy Heroine mang đến khu vực đường gom dân sinh thôn S 2, xã S, thành phố B để cùng sử dụng. Sau đó, Q gọi T dậy và nói lại nội dung cuộc điện thoại, T đồng ý mang ma túy cho người đàn ông trên để cùng sử dụng. T dùng xe mô tô BKS 98H2-XXx chở sau Q mặc theo chiếc áo khoác đựng số ma túy chia được từ hôm trước đến điểm hẹn. Khi đến khu vực đường gom dân sinh thôn S 2, xã S, thành phố B thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như đã nêu ở trên.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lò Văn T, tại thôn H 3, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Đối với hành vi T và Q cùng sử dụng ma túy ngày 16/12/2019. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã có văn bản đề nghị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ khi bị bắt quả tang, T khai nhận mua của người phụ nữ ở khu vực T-Bắc Ninh, không nhìn rõ mặt, không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này ở đâu, nên không có căn cứ để xác minh người bán ma túy cho T để xử lý.

Đối với người gọi điện cho T bảo mua hộ 100.000 đồng ma túy Heroine để cùng sử dụng, T khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đó ở đâu; kiểm tra số điện thoại của T không phát hiện cuộc gọi nào vào thời điểm sáng ngày 17/12/2019 nên không có căn cứ để xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 98H2-XXx thu giữ của Lò Văn T. Quá trình điều tra xác định được, chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Lương Văn I, sinh năm 1997, trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La. Ngày 15/12/2019 anh có cho T mượn chiếc xe để đi có việc, anh I không biết việc T dùng chiếc xe để đi phạm tội về ma túy. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chiếc xe trên theo quy định.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì thư đựng mẫu vật là chất ma túy hoàn lại sau giám định, 01 xe mô tô BKS 98H2 - XXx nhãn hiệu Honda, 01 điện thoại di động màu trắng, số tiền 300.000 đồng.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 25/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Lò Văn T và Lường Văn Q về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai, người làm chứng.

Đại diện Viện sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T và Lường Văn Q phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, Điều 98, Điều 101, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2019.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lường Văn Q từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Lò Văn T và Lường Văn Q.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu 01 phong bì thư đựng mẫu vật là chất ma túy hoàn lại sau giám định để tiêu hủy.

- Tịch thu 01 điện thoại di động màu trắng của bị cáo Q để sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại bị cáo T 300.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại anh Lường Văn Inh 01 xe mô tô BKS 98H2 - XXx nhãn hiệu Honda.

Án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lương Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn T.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T tại phiên tòa là bà Nguyễn Thị Như Q - Trợ giúp viên pháp lý, Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sống ở vùng sâu, vùng xa kinh tế khó khăn, trình độ nhận T thấp và lạc hậu, khi phạm tội là người dưới 18 tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T mức án 09 tháng tù.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Hồi 8 giờ 53 phút ngày 17/12/2019, tại khu vực đường gom dân sinh thuộc thôn S 2, xã S, thành phố B tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố B phối hợp cùng Công an xã S phát hiện bắt quả tang Lương Văn Q, sinh ngày 09/12/2001 và Lò Văn T, sinh ngày 27/12/2001, cùng trú tại: bản M, xã Thôm Mòn, huyện T, tỉnh Sơn La, có hành vi tàng trữ trái phép 0,178 gam chất ma túy Heroine, để sử dụng.

Hành vi tàng trữ ma túy một cách bất hợp pháp của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá về nhân thân, thái độ và mức độ phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo Lương Văn Q là người có nhân thân xấu tại Bản án số

29/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “ Trộm cắp tài sản”. Sau khi chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo không nhận T được việc làm của mình mà lại tiếp tục phạm tội mới với lỗi cố ý. Trong vụ án này xác định bị cáo Q là người giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng và chủ động bảo bị cáo T đi bán điện thoại di động để lấy tiền mua ma túy về cùng sử dụng rồi tự chia ma túy thành các gói nhỏ, nhưng trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự cầu kết bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người chặt chẽ do vậy đây chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người có nhân thân tốt bản thân chưa có tiền án, tiền sự khi phạm tội là người dưới 18 tuổi. Vì vậy hình phạt của bị cáo Q cao hơn bị cáo T là phù hợp.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Ma túy là chất gây nghiện làm băng hoại sức khoẻ của con người và là hiểm hoạ của đại dịch HIV và cũng chính từ ma túy dẫn đến biết bao loại tội phạm khác phát sinh, Đảng và Nhà nước hàng năm đưa ra nhiều biện pháp nhằm loại trừ tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy cần có một mức án là hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để có tác dụng giáo giục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, vừa có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều là người chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh về điều kiện kinh tế của các bị cáo tại địa phương, kết quả địa phương cung cấp bị cáo Lò Văn T thuộc hộ nghèo, bị cáo Lương Văn Q không có tài sản riêng sống phụ thuộc gia đình, các bị cáo đều không có công việc ổn định, không có điều kiện kinh tế để nộp phạt bổ sung bằng tiền, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T là bà Nguyễn Thị Như Q - Trợ giúp viên pháp lý, Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội do lạc hậu theo điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo T là người sinh sống tại xã Thôm Mòn, huyện T, tỉnh Sơn La thuộc vùng II không phải là vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ văn hóa 7/12 và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do vậy không có căn cứ chấp nhận tình tiết giảm nhẹ phạm tội do lạc hậu của người bào chữa đối với bị cáo T.

[9]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lương Văn I vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra vụ án anh I khai không biết việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, đối với chiếc xe mô tô BKS 98H2-XXx đã qua sử dụng là của anh để sử dụng làm phương tiện đi lại và đã cho Lò Văn T mượn, không biết T và Q sử dụng vào việc phạm tội, nay anh I đề nghị xin lại chiếc xe trên để sử dụng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Xét yêu cầu của anh I là có căn cứ chấp nhận, trả lại anh I chiếc xe mô tô BKS 98H2-XXx.

[10]. Đối với hành vi của bị cáo T và Q cùng sử dụng ma túy ngày 16/12/2019. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã có văn bản đề nghị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính, do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[11]. Về nguồn gốc số ma túy thu giữ khi bị bắt quả tang, T khai nhận mua của người phụ nữ ở khu vực T-Bắc Ninh, không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này ở đâu, nên không có căn cứ để xác minh người bán ma túy cho T để xử lý.

[12]. Đối với người gọi điện hỏi mua hộ 100.000 đồng ma túy Heroine để cùng sử dụng, T và Q đều khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đó ở đâu; kiểm tra số điện thoại của T không phát hiện cuộc gọi nào vào thời điểm sáng ngày 17/12/2019 nên không có căn cứ để xác minh, xử lý theo quy định.

[13]. Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì đựng mẫu vật ma túy hoàn lại sau giám định đây là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu hủy. Tịch thu 01 điện thoại di động màu trắng của bị cáo Q sử dụng vào việc phạm tội để sung ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo T số tiền 300.000 đồng, đây là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[14]. Về án phí: Bị cáo T thuộc diện hộ nghèo được miễn án phí hình sự, bị cáo Q phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T và Lương Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn Q 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2019.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, Điều 98, Điều 101, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Lò Văn T và Lương Văn Q.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu 01 phong bì thư đựng mẫu vật là chất ma túy hoàn lại sau giám định để tiêu hủy.

- Tịch thu 01 điện thoại di động màu trắng của bị cáo Q để sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại bị cáo T 300.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại anh Lương Văn Inh 01 xe mô tô BKS 98H2 - XXX nhãn hiệu Honda.

4. Án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Lương Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo; người có QLVN liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú